

Khảo cứu sáng tác từ của Nguyễn Hành trong Quan Đông Hải và Minh Quyên thi tập

Lương Thị Hải Vân

Đại học Dân tộc Quảng Tây

Email liên hệ: 2895390658@qq.com

Tóm tắt: Khái quát cuộc đời, sự nghiệp và phong cách nghệ thuật sáng tác văn chương của Nguyễn Hành. Giới thiệu, khảo đính những sáng tác từ của ông trong *Quan Đông Hải* và *Minh Quyên thi tập* nhằm bổ sung cứ liệu văn bản học cho nghiên cứu về sự nghiệp thơ từ của Nguyễn Hành nói riêng và nghiên cứu về thể loại từ Trung đại Việt Nam nói chung.

Từ khóa: Nguyễn Hành, Quan Đông Hải, Minh quyên thi tập, sáng tác từ, khảo đính

A study of Nguyen Hanh's word association in Quan Dong Hai and Minh Quyen poems

Abstract: The paper is aimed to give an overview of Nguyen Hanh's life, career, and his style of poetry composition. Besides, the author introduces, examines, and reviews his word association in Quan Dong Hai and Minh Quyen poems to supplement materials for studying his style particularly and word using in poems generally of the medieval period.

Keywords: Nguyen Hanh, Quan Dong Hai, Minh Quyen poems, word association, examination

Ngày nhận bài: 12/05/2021

Ngày duyệt đăng: 10/06/2021

1. Đặt vấn đề

Nguyễn Hành, một trong những nhà thơ tài hoa trong "An Nam ngũ tuyệt". Nghiên cứu về cuộc đời và sự nghiệp thơ văn của ông những năm gần đây đã được giới nghiên cứu chú ý, như Nguyễn Hành (1771-1824): *Nhà thơ tài hoa trong An Nam ngũ tuyệt* (Phạm Trọng Chánh, 2013); *Nguyễn Hành - một hồn thơ trác tuyệt gần như bị quên lãng* (Mai Văn Hoan, 2020); *Nguyễn Hành và tập Quan Đông Hải và Mối quan hệ giữa Nguyễn Hành (1771-1824) với Nguyễn Du (1766-1820) qua một số bài thơ văn* (Nguyễn Ngọc Nhuận, 2001); *Nguyễn Du qua cảm nhận của Nguyễn Hành* (Lê Quang Trường, 2018); ... Tuy nhiên, so với khối lượng sáng tác thơ văn mà ông để lại thì những nghiên cứu này mới chỉ dừng lại ở mức sơ khai. Về văn bản học, sáng tác thơ chữ Hán của Nguyễn Hành được dịch một phần sang tiếng Việt qua bản dịch của Trung tâm Nghiên cứu Quốc học. Có thể thấy, so với các tác giả văn học cùng thời, sự nghiệp văn học của ông còn rất nhiều khoảng trống để các nhà khoa học nghiên cứu. Bài viết thông qua khảo cứu những bài từ của Nguyễn Hành về từ đề, từ điệu, từ thức, đặc điểm nội dung, nghệ thuật sáng tác từ, góp phần bổ sung thêm diện mạo sáng tác thơ từ của ông.

2. Cuộc đời và sáng tác văn chương của Nguyễn Hành

Nguyễn Hành (1771-1824), tên là Đạm, tự là Tử Kính, hiệu Nam Thúc, biệt hiệu Ngộ Nam, Nhật Nam, Nam Song chủ nhân; người làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, trấn Nghệ An, nay thuộc tỉnh Hà Tĩnh. Ông là con của Nguyễn Điều, gọi Nguyễn Du là chú ruột. Là một thành

viên trong dòng họ có truyền thống văn chương và học thuật nổi tiếng (họ Nguyễn Tiên Điền), Nguyễn Hành nổi tiếng là người thông minh, học rộng và có tài văn thơ, cả hai chú cháu (Nguyễn Hành và Nguyễn Du) đều nằm trong số năm nhà thơ nổi tiếng thời bấy giờ. Nhìn vào năm sinh và năm mất của Nguyễn Hành chúng ta có thể thấy ông sống trong thời kì xảy ra những biến cố lịch sử lớn của đất nước (triều đình Lê Trịnh bị xóa bỏ, vương triều mới Tây Sơn ra đời chưa bao lâu lại bị thay thế bởi nhà Nguyễn), đây cũng chính là nguyên nhân hình thành tư tưởng hoài Lê đến cực đoan của Nguyễn Hành sau này. Ông từ chối hợp tác với triều Tây Sơn và triều Nguyễn, cam chịu cuộc sống ăn nhờ ở đậu, đói khổ ốm đau triền miên cho đến khi qua đời.

Nguyễn Hành để lại 2 tập thơ và một quyển ký, tất cả đều bằng chữ Hán: *Quan Đông Hải* (Xem biển Đông), có người ghi *Quan Hải Đông* hoặc *Quan Hải tập*; *Minh Quyên thi tập* (*Tập thơ chim quyên kêu*); *Thiên địa nhân vật sự ký* (nay đã thất lạc).

3. Khảo cứu các bài từ của Nguyễn Hành

Các bài từ của Nguyễn Hành được tác giả sáng tác bằng chữ Hán nằm trong hai tập thơ *Quan Đông Hải*, *Minh Quyên thi tập*. Tập *Quan Đông Hải* có 9 bài từ, *Minh Quyên thi tập* có 10 bài từ, tất cả có 19 bài từ. Tuy nhiên, qua khảo cứu phát hiện có 4 bài từ xuất hiện cả trong hai tập thơ. Do vậy, sau khi loại trừ các bài từ giống nhau, số lượng các bài từ của Nguyễn Hành là 15 bài, sáng tác theo 12 điệu và một bài là Tự độ khúc. Cụ thể là: *Nam song* (điệu *Mãn đình phương*); *Nam song* (điệu *Tấm viên xuân*); *Hạ điệp trấn siêu thành hầu mẫu thất thập thọ* (điệu *Mãn đình phương*); *Tặng y giả* (điệu *Niệm nô kiều*); *Bắc thành tổng xuân* (điệu *Mãn giang hồng*); *Thành tân xuân vị nhân đề* (điệu *Lãng đào sa*); *Tam điệp sơn* (điệu *Ngô sơn tế*); *Thất cảm tập ca* (điệu *Thụ tiêu thanh*); *Tân lang từ phụng trình Sách phủ đông đường Bùi Quý Đài* (điệu *Lãng đào sa*); *Bắc thành tái ngộ Thanh minh tiết ỨC CỤ DU NHÂN* (điệu *Bốc toán tử*); *Bắc thành lữ hoài* (điệu *Ngô mỹ nhân*); *Tổ chung tình* (điệu *Đại tế tác ai văn từ*); *Điệu vong đại tác* (điệu *Như mộng lệnh*) và một bài từ ghi là *Tự độ khúc*, từ đề *Môn tiền quá*.

3.1. Các bài từ trong Quan Đông hải (Nguyên văn chữ Hán lưu giữ tại Thư viện Hán Nôm, kí hiệu A.1530)

Bài 1:

<i>Nam song</i> (điệu <i>Mãn đình phương</i>)	滿庭芳·南窗
<i>Hồng Lĩnh vân cao, Bích Đàm nguyệt tĩnh, thôn yên ngạn thụ hồi trùng. Lương giang nhất dải, đặng dạng tịch dương hồng. Liễm bát cố viên quang cảnh, xung môn hạ khả dĩ thung dung. Phương trì ngoại, ba tiêu dương liễu, bính thủy mộc phù dung. Đình trung quan bất tận, hoàng hoa thúy trúc, quái thạch thương tùng. Tổng chư ban thư sách, kỉ cá hài đồng. Tùy ý khiêu ngâm tự lạc, nhàn lai phóng nhất chẩm Nam song. Chung nhật giác, tênh tênh như dã, mang tửu chủ nhân ông.</i>	鴻嶺雲高，碧潭月靜，村煙岸樹回重。兩江一帶，蕩漾夕陽紅。斂八故園光景，衝門下可以從容。方池外，芭蕉楊柳，並水木芙蓉。庭中觀不盡，黃花翠竹，怪石蒼松。總諸般書冊，幾個孩童。隨意嘯吟自樂，閑來放一枕南窗。終日覺，惺惺如也，茫酒主人翁。

Khâm định Từ phổ (Gọi tắt *Từ phổ*) ghi nhận từ điệu *Mãn đình phương* gồm hai thể văn bằng và văn trắc. Văn bằng lấy bài từ *Nam uyển xúy hoa* của Ân Kỳ Đạo (晏幾道, 1038-1110) làm chính thể, song điệu từ, 95 chữ, đoạn trước và đoạn sau mỗi đoạn mười câu, hiệp bốn văn bằng. Bài từ *Nam song* của Nguyễn Hành được sáng tác theo điệu *Mãn đình phương*, ngoài đoạn hai câu thứ bảy không hiệp văn bằng theo đúng quy định hiệp vận trong *Từ phổ*, số

lượng câu chữ, hiệp vần hoàn toàn đúng theo quy định của điệu từ ghi nhận trong *Từ phổ*. Bài từ trên sáng tác theo **chính thể**.

Bài 2:

Nam song (điệu <i>Tấm viên xuân</i>)	沁園春·南窗
<p>Nhân tâm duy nguy, đạo tâm duy vi, vân hà bả tri. Duy đoan thị thẩm ta, quả ngôn thận động, mặc điệu tỵ tức; tịnh nhiếp tâm tư. Trang liệm tinh thần, khai khâm lượng, nội ngoại đồ vọng tri ngã thùy. Thường như thị, tức sự lai vô sự, mỹ dĩ chế chi. Bất vi nhiên hậu hữu vi, chỉ thuận lí, nhi hành vô đấng xứ. Thân đáo mẫu ý mẫu, tất mẫu cố mẫu; mài nhi bất lẩn, hoàng nhi bất truy. Nguyệt bạch phong thanh, diên phi ngư dục, ái nhiên thiên địa qui. Thành tựu xứ, cử nhất quyển thái cực, bổn đắc vô khuy.</p>	<p>人心惟危，道心惟微，雲何把持。唯端視審咱，寡言慎動，默調鼻息；靜攝心思。妝斂精神，開襟量，內外都忘知我誰。常如是，即事來無事，美以制之。不為然後有為，只順理，而行無礙處。辰到母意母，必母固母；磨而不磷，湟而不緇。月白風清，鳶飛魚躍，藹然天地歸。成就處，舉一圈太極，體得無虧。</p>

Từ điệu *Tấm viên xuân* chính thể trong *Từ phổ* quy định là song điệu, 114 chữ, đoạn trước có mười ba câu hiệp bốn vần bằng; đoạn sau mười hai câu hiệp năm vần bằng. *Từ phổ* cũng ghi nhận một biến thể của điệu từ này có 112 chữ, hiệp vần và số câu trong mỗi đoạn quy định giống với chính thể.

Xét bài từ *Nam song* của Nguyễn Hành, song điệu, 112 chữ tuy nhiên so sánh với biến thể 112 chữ lại có sự khác biệt lớn, cụ thể là đoạn sau thiếu hai chữ, câu thứ ba không hiệp vần. Do đó mặc dù bài từ trên của Nguyễn Hành xét về câu chữ có thể phù hợp với biến thể 112 chữ ghi trong *Từ phổ*, tuy nhiên xét về hiệp vần cũng như số chữ quy định trong mỗi câu, số câu trong mỗi đoạn, và hiệp vần, bài từ trên của Nguyễn Hành thuộc **chính thể**, mặc dù so với chính thể ít hơn hai chữ.

Bài 3:

Hạ Diệp Trấn Siêu thành hầu mẫu thất thập thọ (điệu <i>Mãn đình phương</i>)	滿庭芳·賀葉鎮超成侯母七十壽
<p>Khoát hải trừ tinh, thần đình sơn danh, dựng tú trang đài diệu giáng Ngọc Chân. Đương niên tác hợp, cầm sắt hữu gia tân. Dục đắc nhất chi đan quế, tư bồi tịch, hậu đức vô ngân. Thanh phong ấp, Đào Âu thiên hiền, tái mẫu xuất danh thần. Duy tân long thịnh thế, Tử Trọng trấn, mẫu thái phu nhân. Xán doanh môn châu tử, liệt đình cam trân. Thất cổn vụ tinh chước thái, cao đường yến, nhạc ý hân hân. Ca quản hội, cảm y hiến thọ, mị chúc vạn tư xuân.</p>	<p>闊海儲精，神丁山名，孕秀妝臺妙降玉真。當年作合，琴瑟友嘉賓。毓得一枝丹桂，滋培籍、厚德無垠。清風挹，陶歐千賢，載母出名臣。維新隆盛世，子重鎮，母太夫人。燦盈門珠紫，列鼎甘珍。七袞婺星灼彩，高堂晏、樂意欣欣。歌管會，錦衣獻壽，媚祝萬斯春。</p>

Từ phổ ghi nhận từ điệu *Mãn đình phương* gồm chính thể 95 chữ và nhiều biến thể khác nhau, trong đó có biến thể 96 chữ, đoạn trước câu thứ ba có bảy chữ, đoạn sau câu thứ hai có bốn chữ. So sánh bài từ *Hạ Diệp Trấn Siêu thành hầu mẫu thất thập thọ* của Nguyễn Hành với biến thể 96 chữ trên, ngoài đoạn trước câu thứ ba nhiều hơn một chữ, câu thứ hai đoạn sau ít hơn một chữ, về hiệp vần, gieo vần bằng trắc đều phù hợp với quy định của luật từ. Như vậy, bài từ này của Nguyễn Hành sáng tác theo **biến thể** của điệu *Mãn đình phương* (tuy nhiên về số chữ quy định trong mỗi câu vẫn còn có sự khác biệt với bài từ mẫu trong *Từ phổ*).

Bài 4:

<i>Tặng y giả (điệu Niệm nô kiêu)</i>	念奴嬌·贈醫者
<i>Khai thiên nhất trú, nguyên y đạo, nãi tự ngô nho lưu xuất. Trùng trùng phương thư, tuy giả thức, thí dụng nhất bàn thị tẩm. Chấn khởi trầm kha, vãn hồi thiên cực, vụ tận ngô nhân thuật. Tích công đáo 卮, lương y lương tương như nhất. Khái tự nho đạo bất hành, thái hòa đồ biến liệu, y gia đa tât. Tán hóa điệu nguyên, hi điệu thủ, bằng tịch lộng trung tham cầu. Tạo vật phân công, sinh dân hệ mệnh giới, tử toàn vô thất. Khổn trung nhàn hạ, kinh bôi đàm tiếu di nhật.</i>	開天一晝，原醫道、乃自吾儒流出。重重方書，雖假託、施用一般是寔。振起沉疴，挽回天極，務盡吾仁術。積功到卮，良醫良相如一。慨自儒道不行，太和都變了，醫家多疾。贊化調元，希妙手、憑籍篋中參求。造物分功，生民系命戒，子全無失。壺中閒暇，擎杯談笑彌日。

Bài từ làm theo điệu Niệm nô kiêu, song điệu 100 chữ, đoạn trước chín câu hiệp vận trắc, đoạn sau 10 câu hiệp ba vần trắc (câu thứ năm không hiệp vần). Trong Từ phổ từ điệu Niệm nô kiêu lấy bài từ 凭空眺远 (Bằng không diểu viễn) của Tô Thức (蘇軾, 1037-1101) làm chính thể và bài Xích Bích hoài cổ làm biến thể. Bài từ Tặng y giả (điệu Niệm nô kiêu) giống với bài từ Xích Bích hoài cổ (Niệm nô kiêu) của Tô Thức, **biến thể**.

Bài 5:

<i>Bắc thành tống xuân (điệu Mãn giang hồng)</i>	滿江紅·北城送春
<i>Công tử vương tôn, trùng lai phỏng, hoàng đô xuân sắc. Hồi thủ thuộc, lâu đài thành thị, dĩ phi trừ tịch. Vãng sự y y hỏn nhược mộng, tân sầu lâu lâu trường như xí. Tối vô đoạn, phiêu bạc khả liên thân, kinh niên khách. Trần ai lí, thù tương phạt, thù tương phạt. Triều vạn liễu, hoàn mưu cứu. Bả nhất xuân lạc sự, đẳng nhàn túc vong. Bất tích yên hoa linh lạc tận, chỉ sầu tuế nguyệt hư phao trịch. Trưởng sinh bình, y bảo vị tăng khai, đầu không bạch.</i>	公子王孫，重來訪、皇都春色。回首屬、樓臺城市，已非疇昔。往事依依渾若夢，新愁縷縷長如織。最無端、漂泊可憐身，經年客。塵埃裏塵埃裏，誰相識，誰相識。朝過了，還謀久。把一春樂事，等閒卻忘。不惜煙花零落盡，只愁歲月虛拋擲。悵生平、懷抱未曾開，頭空白。

Đường Tống từ cách luật (唐宋詞格律) ghi nhận từ điệu Mãn giang hồng, 93 chữ, đoạn trước bốn vần trắc, đoạn sau năm vần trắc, lấy bài từ Mộ vũ sơ thu 暮雨初收 của Liễu Vĩnh (柳永, 984-1053) làm chính thể (龍榆生, 2010). Bài từ trên của Nguyễn Hành song điệu, 93 chữ, mỗi đoạn tám câu, mỗi câu đều hiệp vận trắc. Bài từ làm theo **chính thể**.

Bài 6:

<i>Thành tân xuân vị nhân đề (điệu Lãng đào sa)</i>	浪淘沙·城新春為人題
<i>Đô hội cổ Thăng Long, thắng sự trùng trùng, phù vân bất định thủy lưu đông. Duy hữu xuân quang y cựu tại, thụ lục hoa hồng. An dùng nạn甄蓬, tùy tại thung dung, cao bằng mãn tọa tưu bôi nồng. Tố vị phong lưu chân khả lạc, lạc hưng nhân đồng.</i>	都会古升童，胜事重重，浮云不定水流东。惟有春光依旧在，树绿花红。安用难甄蓬，随在从容，高朋满座酒杯浓。素位风流真可乐，乐兴人同。

Từ phổ ghi nhận từ điệu Lãng đào sa đơn điệu, 28 chữ; Lãng đào sa mạn song điệu, 133 chữ và từ điệu Lãng đào sa lệnh song điệu, 54 chữ. Bài từ có hai đoạn, mỗi đoạn năm câu, hiệp

bốn vận bằng, lấy bài từ *Liêm ngoại vũ sần sần* 簾外雨潺潺 của Lí Dục (李煜, 937-978) thời Nam Đường làm chính thể. Bài từ *Thành tân xuân vị nhân* 等 xét về câu chữ và hiệp vận làm theo **chính thể** của điệu *Lãng đào sa lệnh*. Như vậy sau khi khảo cứu, tên đúng của bài từ là *Thành tân xuân vị nhân* 等 (điệu *Lãng đào sa lệnh*).

Bài 7:

<i>Tam điệp sơn</i> (điệu Ngô sơn tề)	吳山齊 • 三疊山
<i>Điệp điệp sơn, hữu điệp sơn, tam điệp sơn tạt giao ái gian, bình minh nhân độ khai. Thượng sơn nan, hạ sơn nan, sơn lộ hà như thế lộ nan, phù vân thù vị nhân.</i>	疊疊山，又疊山，三疊山雜交愛間，平明人度開。上山難，下山難，山路何如世路難，浮雲殊未閑。

Trong *Từ phổ* và *Đường Tống từ cách luật* không có từ điệu *Ngô sơn tề*. Xét bài từ *Tam điệp sơn* của Nguyễn Hành, song điệu, 36 chữ, đoạn trước và đoạn sau mỗi đoạn bốn câu, hiệp ba vận bằng. Số chữ và phổ thức của bài từ giống với phổ thức của từ điệu *Ngô thanh sơn*. Từ điệu *Ngô thanh sơn* còn có tên gọi khác là *Trường tương tư, Song hồng đậu, Ước đa kiều...* Hậu chủ Lí Dục lấy tên từ điệu là *Trường tương tư lệnh*, từ nhân đời Tống Lâm Bô lấy tên từ điệu là *Ngô thanh xuân*. Bài từ trên của Nguyễn Hành ghi sai tên từ điệu, chính xác từ điệu của bài từ là *Ngô thanh xuân*.

Bài 8:

<i>Thất cảm tập ca</i> (điệu <i>Thụ tiêu thanh</i>)	樹梢青 • 七感集歌
<i>Vãng cổ lai kim, trung thân liệt nữ, cảm khái tương tâm. Thiết thác can trường, thủy sương tiết tháo, trường sử nhân khâm. Ngã lai tự thác bi ngâm, tưởng ngâm ngoại, tinh linh chiếu lâm. Dụng nữ u hình, chuyên phù thế đạo, hoàn trừng sơ tâm.</i>	往古來今，忠臣烈女，感慨相尋。鐵石肝腸，水霜節操，長使人欽。我來自託悲吟，想吟處、精靈照臨。用女幽馨，專扶世道，還澄初心。

Từ phổ không ghi nhận từ điệu *Thụ tiêu thanh*. Bài từ trên song điệu, đoạn trước sáu câu hiệp ba vận bằng, đoạn sau năm câu hiệp ba vận bằng, từ thức giống với từ điệu *Liễu tiêu thanh* 柳梢青. Từ điệu *Liễu tiêu thanh* còn có tên gọi là *Vân đạm thu không* 雲淡秋空, *Vũ tẩy nguyên tiêu* 雨洗元宵, *Ngọc thủy minh sa* 玉水明沙, *Tảo xuân oán* 早春怨. Như vậy, từ điệu đúng của bài từ *Thất cảm tập ca* là *Liễu tiêu thanh*.

Bài 9:

<i>Thu nguyệt từ</i> (điệu <i>Hoán kê sa</i>)	浣溪沙 • 秋月辭
<i>Quyển tận phù vân kiến nguyệt quang, thu thiên vô xứ thanh lương. Ý lâu nhân hứng nguyệt thương lương. Minh nguyệt hữu tình ứng tiếu khách, kinh niên hà sự vị hoàn hương. Bồi hồi kim dạ ý nan vương.</i>	卷盡浮雲見月光，秋天無處不清涼。倚樓閑興月商量。明月有情應笑客，經年何事未還鄉。徘徊今夜意難忘。

Từ điệu *Hoán kê sa* được ghi trong *Từ phổ* với từ thức song điệu, 42 chữ, đoạn trước ba câu với hiệp ba vận bằng, đoạn sau ba câu hiệp hai vận bằng, lấy bài từ *Túc tú li sầu mạn kết hoàn* 宿醉離愁慢髻鬟 của Hàn Ốc (韓偓, 844-923) làm chính thể. Bài từ này của Nguyễn Hành làm theo **chính thể**.

3.2 Các bài từ trong Minh quyển thi tập (lưu trữ tại Thư viện Hán Nôm, kí hiệu VH.109)

Bài 10:

<i>Tân lang từ phụng trình Nam Sách phủ nhạc đường Bùi Quý Đài (điệu Lãng đào sa)</i>	浪淘沙·檳榔詞奉呈南策府東堂裴貴臺
<i>Thử địa hiếu tân lang, vị đẳng quỳnh tương. Khả liên thị giá ngang tầm thường, vật bất li hương na đắc quý, nhân cố li hương. Bất thụ tự bình phòng, chiêm vọng đông đường. Lữ du hà cảm độc ân quang, đồ bảo như đan tâm nhất phiến, tú duy chương.</i>	此地好檳榔，味等瓊漿。可憐市價卻尋常，物不離鄉那得貴，人故離鄉。不樹自聯房，瞻望東堂。旅遊何敢瀆恩光，徒抱如丹心一片，口繡維章。

Bài từ này của Nguyễn Hành có sự sai sót về từ điệu. Vì điệu *Lãng đào sa* ghi trong *Từ phổ* chỉ có đơn điệu, 28 chữ. Bài từ này xét về câu chữ, từ thức thuộc từ điệu *Lãng đào sa lệnh*.

Bài 11:

<i>Bắc thành tái ngộ Thanh Minh tiết ức cựu du nhân (điệu Bốc soạn tử)</i>	蔔算子·北城再遇清明節憶舊遊人
<i>Xuân quang do luyến đế vương châu, tranh nại khách tâm sầu. Loạn hậu phồn hoa, lữ trung tư vị, tổng giác vi thu. Thanh Minh thần tiết trì lai liễu, nhân trì bất đồng du. Tú tự ngâm thi, hoan nhiên chủ minh, lãnh đạm phong lưu.</i>	春光猶戀帝王州，爭奈客心愁。亂後繁花，旅中滋味，總覺為秋。清明辰節遲來了，人也不同遊。獨自吟詩，歡然煮茗，冷淡風流。

Từ phổ ghi nhận từ điệu *Bốc soạn tử*, song điệu từ, 44 chữ, đoạn trước và đoạn sau mỗi đoạn bốn câu, hiệp hai vận trắc, lấy bài từ *Khuyết nguyệt quả sơ đông* 缺月挂疏桐 của Tô Thức làm chính thể. Bài từ trên của Nguyễn Hành song điệu, 48 chữ, đoạn trước năm câu, hiệp ba vận bằng, đoạn sau năm câu, hiệp hai vận bằng. So với từ thức của từ điệu *Bốc soạn tử* khác biệt quá lớn. Khảo sát *Từ phổ* các từ điệu khác, ta thấy bài từ trên của Nguyễn Hành về số câu, số chữ, hiệp vận là làm theo thể thức của từ điệu *Nhãn nhi mị* 眼兒媚 hay còn gọi là *Tiểu lan can* 小闌幹. Như vậy bài từ trên của Nguyễn Hành cũng ghi sai từ điệu, chính xác từ thể từ điệu là *Bắc thành tái ngộ Thanh Minh tiết ức cựu du nhân* điệu *Nhãn nhi mị* (眼兒媚·北城再遇清明節憶舊遊人).

Bài 12:

<i>Lương Thị Hải Vân</i>	虞美人·北城旅懷
<i>Phân phân thế cục hà thời định, mãn mục thương tâm cảnh. Vô đoan hựu hướng thị thành lai, chính thị bất quan danh lợi dã trần ai. Cố viên nhất biệt thanh xuân tái, tùng trúc y nhiên tại. Quân vấn hà sự tức trì trì, ứng vi châu quế lưu luyến bất năng quy.</i>	紛紛世局何時定，滿目傷心景。無端又向市城來，正是不關名利也塵埃。故園一別青春再，松竹依然在。君問何事卻遲遲，應為珠桂留戀不能歸。

Đường Tống từ cách luật ghi nhận từ điệu *Ngu mỹ nhân* có hai thể, một thể 56 chữ, song điệu, đoạn trước và đoạn sau mỗi đoạn hiệp hai vận bằng và hai vận trắc, lấy bài từ *Xuân hoa thu nguyệt hà thời liễu* 春花秋月何時了 của Lí Dục làm chính thể; một thể 56 chữ, song điệu, đoạn một và đoạn hai hiệp hai vận trắc và ba vận bằng, lấy bài từ *Thâm khuê xuân sắc lảo tư tưởng* 深閨春色勞思想 của Cố Quỳnh 顧夔(?-?) làm chính thể. Bài từ trên giống với bài từ của Lí Dục, **chính thể**.

Bài 13:

<i>Đại tể tác ai vãn từ (điệu Tố chung tình)</i>	訴衷情•代婿作哀挽詞
<i>Bát tuần Kim mẫu phản Doanh Châu, trần thế khởi năng lưu? Hữu tình hàm lệ phan tống, bất kiến sử tâm sầu. Long Thành ngoại, nhĩ thủy lưu, khứ du du. Sắt y vũ tán, hao lí ca tàn, tòng thử thiên thu.</i>	八旬金母返瀛洲，塵世豈能留？有情含淚攀送，不見使心愁。龍城外，珥水流，去悠悠。瑟衣舞散，蒿裏歌殘，從此千秋。

Từ phổ ghi nhận điệu từ *Tố chung tình* gồm hai thể đơn điệu và song điệu. Song từ điệu lấy bài từ Đào hoa lưu thủy dạng tung hoành 桃花流水漾縱橫 Mao Văn Tích 毛文錫 làm chính thể, 41 chữ, đoạn trước năm câu hiệp bốn vần bằng, đoạn sau bốn câu hiệp bốn vần bằng.

Bài từ trên của Nguyễn Hành song điệu, 44 chữ, đoạn trước bốn câu, hiệp ba vần bằng; đoạn sau sáu câu hiệp ba vần bằng. So với từ thức quy định trong *Từ phổ* bài từ trên sai luật. *Từ phổ* ghi nhận từ điệu *Tố chung tình lệnh*, song điệu, 44 chữ, đoạn trước bốn câu ba vần bằng; đoạn sau sáu câu ba vần bằng lấy bài từ Thanh mai chủ tửu đấu thời tân 青梅煮酒鬥時新 của Yến Thù 晏殊 làm chính thể. Xét về từ thức, số câu chữ, hiệp vận của bài từ *Đại tể tác ai vãn từ* hoàn toàn phù hợp với từ thức của điệu từ *Tố chung tình lệnh*. Như vậy bài từ này của Nguyễn Hành ghi sai tên từ điệu, chính xác là *Đại tể tác ai vãn từ điệu Tố chung tình lệnh*.

Bài 14:

<i>Điệu vong đại tác (điệu Như mộng lệnh)</i>	悼亡代作•如夢令
<i>Thử nhật thương thương minh phụng, kim nhật đoạn trường phong tống. Tự tán hốt thông thông, tổng bị hóa nhi liêu lộng. Như mộng, như mộng, chi hữu quan phu tình trọng.</i>	此日鏘鏘鳴鳳，今日斷腸風送。聚散忽匆匆，總被化兒撩弄。如夢，如夢（疊句），祇有鰥夫情重。

Bài từ đơn điệu, 33 chữ, bảy câu, hiệp vần trắc, và một điệp vận. Trong văn bản gốc không ghi tên từ điệu của bài từ. Dựa vào *Từ phổ* chúng tôi nhận thấy số chữ, hiệp vần của bài từ giống với điệu từ *Như mộng lệnh*. Do đó, bài từ trên sau khi khảo cứu, từ để là *Điệu vong đại tác*, từ điệu *Như mộng lệnh*.

Bài 15:

<i>Môn tiên quá (Tự độ khúc)</i>	門前過（自度曲）
<i>Độc tự khai môn ngọa, xa mã môn tiên quá. Xích bạch huân nhân trần mấn đầu. Quân lệnh (hà) khổ bất (khải) tận thời hưu.</i>	獨自開門臥，車馬門前過。赤白熏人塵滿頭。君令（何）苦不（肯）暫時休。

Bài từ này có 26 chữ, bốn câu, hai vần bằng và hai vần trắc. Từ thức của bài từ không được ghi nhận trong *Từ phổ*, *Đường Tống từ cách luật*, *Từ luật* (9), do đó bài từ này thuộc **Tự độ khúc**.

4. Kết luận và một vài nhận xét về đặc điểm các bài từ của Nguyễn Hành

Bài viết khái quát cuộc đời, sự nghiệp và phong cách nghệ thuật sáng tác văn chương của Nguyễn Hành; Giới thiệu, khảo đính những sáng tác từ của ông trong *Quan Đông Hải* và *Minh Quyên thi tập* nhằm bổ sung cứ liệu văn bản học cho nghiên cứu về sự nghiệp thơ từ của Nguyễn Hành nói riêng và nghiên cứu về thể loại từ Trung đại Việt Nam nói chung.

Sau khi khảo cứu các bài từ hiện còn của Nguyễn Hành, chúng tôi có một số nhận xét như sau: Văn bản học, về cơ bản các bài từ của Nguyễn Hành có ghi đầy đủ từ để và từ điệu, tuy nhiên có 6 bài từ ghi sai tên từ điệu. Việc ghi sai tên từ điệu một số bài từ của Nguyễn Hành (6/15) có thể

là do người đời sau sao chép lại ghi sai chứ không nhất định là sai sót của người điền từ, vì hai tập thơ hiện còn của ông đều là bản sao chép lại chứ không phải thủ thảo của tác giả. Hơn nữa ông không chỉ dùng nhiều từ điệu khác nhau để điền từ (15 bài từ dùng đến 13 từ điệu khác nhau), mà ông còn tự sáng tạo từ điệu để điền từ (Tự độ khúc, là thuật ngữ từ học, chỉ việc một tác giả nhất định tự viết nhạc rồi tự điền lời để tạo ra điệu từ mới), có thể thấy tác giả là người am hiểu và giỏi điền từ, nên viết sai hoặc nhầm lẫn tên các từ điệu là điều khó xảy ra từ phía người điền từ.

Mặc dù số lượng sáng tác từ Nguyễn Hành là khá khiêm tốn so với thơ chữ Hán nhưng nội dung chủ đạo, xuyên suốt của các bài từ nhất quán với nội dung thơ chữ Hán của ông. Đó là cảm xúc của một người lữ khách nhớ quê: “Ngày nào trở về quê cũ/ Ý vơi xa/ Chẳng hạn thân này phiêu bạc, hận không tài/ Thời thay đổi/ Người biệt li/ Thảy đáng buồn/ Chỉ có một bầu trung hiếu, ngóng quê xa” (Bài *Tư hương - Thương tây lâu: Nhớ quê*, điệu *Thương tây lâu*); những suy tư trăn trở về cuộc sống, cảnh ngộ của bản thân: “Chẳng tiếc khói hoa điều tàn hết/ Chỉ buồn năm tháng vút uổng thôi/ Buồn bình sinh, hoài bão chưa từng hé/ Luống bạc đầu” (*Bắc thành tống xuân - Mãn giang hồng: Tiễn xuân ở Bắc thành*, điệu *Mãn giang hồng*); hay tình cảm với người thân, bè bạn và đặc biệt là ở nỗi niềm “cảm thời”, “hận biệt” và “thương thân”. Những bài từ đã thể hiện được cảm xúc chân thực của nhà thơ, tức là đem “thứ cảnh giới ở trong lòng” khám nhập vào tác phẩm, do đó sáng tác của ông không chỉ đẹp về lời mà còn có độ sâu cảm xúc, vừa có cái “diễm mỹ”, lại có cái “bi mỹ” và sức ám ảnh sâu xa đối với người đọc. Ngoài ra, Nguyễn Hành sáng tác từ để吊祭 người chết (*Đại tế tác ai vãn từ* điệu *Tố chung tình* và *Điệu vong đại tác* điệu *Như mộng lệnh*). Cách sử dụng tác phẩm từ và nội dung trong một số bài từ của tác giả tuy khá xa lạ với thể loại từ, nhưng tình cảm chân thành, bi thiết, ai oán... kiểu “Hữu tình hàm lệ phan tống, bất kiến sử tâm sâu”... xét về mạch cảm hứng lại rất đúng với cái “bi mỹ” của thể loại từ và là hiện tượng phổ biến trong lịch sử tác từ Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

Phạm Văn Ánh. (2014). *Thể loại Từ trong Văn học Trung đại Việt Nam*. Luận án Tiến sĩ. Học viện Khoa học Xã hội - Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Phạm Trọng Chánh. (2013). *Nguyễn Hành (1771-1824): Nhà thơ tài hoa trong An Nam ngữ tuyệt*. Truy xuất từ <https://vietbao.com/a206920/nguyen-hanh-1771-1824>, ngày 28/5/2013.

Mai Văn Hoan. (2020). Nguyễn Hành - một hồn thơ trác tuyệt gần như bị quên lãng. *Tạp chí Sông Hương*. Truy xuất từ <http://tapchisonghuong.com.vn/tin-tuc/p0/c7/n28980/Nguyen-Hanh>, ngày 27/4/2020.

陳廷敬.(2017).欽定詞譜.華東師範大學出版社.上海.[Trần Đình Kính. (2017). *Kim định từ phổ*. Nxb Đại học Sư phạm Hoa Đông. Thượng Hải.]

Nguyễn Ngọc Nhuận. (1996). *Nguyễn Hành và tập Quan Đông Hải*. Thông báo Hán Nôm học. Nxb Khoa học Xã hội. Hà Nội.

Nguyễn Ngọc Nhuận. (2001). *Mối quan hệ giữa Nguyễn Hành (1771-1824) với Nguyễn Du (1766-1820) qua một số bài thơ văn*. Thông báo Hán Nôm học. Nxb Khoa học Xã hội. Hà Nội, 423-431.

Trung tâm Nghiên cứu Quốc học. (2015). *Thơ Nguyễn Hành*. Nxb Văn học. Hà Nội.

Lê Quang Trường. (2018). *Nguyễn Du qua cảm nhận của Nguyễn Hành*. Truy xuất từ <http://www.khoavanhoc-ngonngu.edu.vn/nguyen-cuu/>, ngày 03/12/2018.

萬樹. (2013). 詞律.上海古籍出版社.上海.[Vạn Thụ. (2013). *Từ luật*. Nxb Cổ tịch Thượng Hải. Thượng Hải.]

龍榆生. (2010). 唐宋詞格律上海. 古籍出版社.上海.[Long Du Sinh. (2010). *Đường Tống từ cách luật*. Nxb Cổ tịch Thượng Hải. Thượng Hải.]